

Số: 5347768

|                                                | Mazda2 1.5L AT (Xe tập lái, có DAT)          | Mazda2 1.5L AT                               |
|------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>399.000.000đ</b>                          | <b>418.000.000đ</b>                          |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                              |                                              |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4355 x 1695 x 1470                           | 4355 x 1695 x 1470                           |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2570                                         | 2570                                         |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5000                                         | 5000                                         |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 140                                          | 140                                          |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1109                                         | 1109                                         |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1528                                         | 1528                                         |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 440                                          | 440                                          |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 44                                           | 44                                           |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                            | 5                                            |
| Nguồn gốc                                      | Nhập Khẩu                                    | Nhập Khẩu                                    |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                              |                                              |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 1.5L                              | Skyactiv-G 1.5L                              |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1496                                         | 1496                                         |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 110 / 6000                                   | 110 / 6000                                   |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 144 / 4000                                   | 144 / 4000                                   |
| Hộp số                                         | 6AT                                          | 6AT                                          |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                              | Cầu trước (FWD)                              |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập McPherson                            | Độc lập McPherson                            |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn                                   | Thanh xoắn                                   |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                          | Đĩa                                          |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                          | Đĩa                                          |
| Thông số lốp xe                                | 185/65 R15                                   | 185/65 R15                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 7.91                                         | 7.91                                         |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 5.07                                         | 5.07                                         |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 6.11                                         | 6.11                                         |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                                            | -                                            |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport                                 | Normal/Sport                                 |
| Chế độ địa hình                                | -                                            | -                                            |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC Plus | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC Plus |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                              |                                              |
| Cụm đèn trước                                  | LED                                          | LED                                          |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | -                                            | -                                            |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                                            | -                                            |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                            | ●                                            |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                                            | -                                            |
| Đèn ban ngày LED                               | Halogen                                      | Halogen                                      |
| Đèn sương mù                                   | -                                            | -                                            |
| Cụm đèn sau                                    | Halogen                                      | Halogen                                      |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | Chỉnh điện                                   | Chỉnh điện                                   |
| Gạt mưa tự động                                | -                                            | -                                            |

Cửa sổ trời

-

-

Trang bị khác

Bổ sung 2 biển “XE TẬP LÁI” phía trước & phía sau (theo quy định tiêu chuẩn hiện hành)

**NỘI THẤT - TIỆN NGHI:**

Vô lăng bọc da

-

-

Chất liệu ghế

Nỉ

Nỉ

Ghế người lái chỉnh cơ

●

●

Ghế người lái chỉnh điện

-

-

Ghế người lái có nhớ vị trí

-

-

Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ

●

●

Ghế hành khách phía trước chỉnh điện

-

-

Hàng ghế trước có tính năng làm mát

-

-

Hàng ghế trước có tính năng sưởi

-

-

Hàng ghế trước có tính năng massage

-

-

Tính năng cửa hít

-

-

Kính cửa sổ chỉnh điện

●

●

Màn hình đồng hồ đa thông tin

Analog + Digital

Analog + Digital

Màn hình HUD

-

-

Màn hình giải trí trung tâm

-

-

Kết nối Apple Carplay/Android Auto

-

-

Hệ thống điều hòa tự động

Chỉnh cơ

Chỉnh cơ

Số vùng khí hậu điều hòa

1

1

Cửa gió cho hàng ghế sau

-

-

Chìa khóa thông minh

●

●

Khởi động nút bấm

●

●

Khởi động từ xa

-

-

Hệ thống âm thanh

4 loa

4 loa

Lấy chuyển số

-

-

Sạc không dây Qi

-

-

Phanh đỗ điện tử

-

-

Giữ phanh tự động Autohold

-

-

Đèn trang trí nội thất

-

-

Rèm che nắng

-

-

Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX

●

●

Trang bị khác

Trang bị cơ cấu phanh phụ tại ghế hành khách phía trước. Bổ sung thiết bị giám sát thời gian và quãng đường thực hành lái xe

**AN TOÀN:**

Số túi khí

2

2

Hệ thống chống bó cứng phanh ABS

●

●

Hệ thống phân phối lực phanh EBD

●

●

Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA

●

●

Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS

●

●

Hệ thống cân bằng điện tử

●

●

Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS

●

●

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA

●

●

|                                                 |   |   |
|-------------------------------------------------|---|---|
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ● | ● |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | - | - |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | - | - |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | - | - |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | - | - |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | - | - |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | - | - |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | - | - |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | - | - |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | - | - |
| Camera lùi                                      | - | - |